

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Huân;
2. Ông Nguyễn Công Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 192/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Th T, sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Số 351/38 Nguyễn Ph Ng, phường A Kh, quận Th Kh, thành phố Đ N.

- Bị đơn: Anh Huỳnh L Q, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Lãnh A, xã Q L, huyện Q S, tỉnh Q N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – chị Mai Th T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện kết hôn vào ngày 19/4/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A Kh, quận Th Kh, thành phố Đ N. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Từ

năm 2016, anh Q nghiện ma túy, vợ chồng chung sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau nên chị T đưa con về nhà cha mẹ ruột của mình tại Đà Nẵng ở, từ đó đến nay chị và anh Q không còn chung sống, không quan T đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh L Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Huỳnh Gia B, sinh ngày 24/02/2015. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn – anh Huỳnh L Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, anh vẫn còn thương yêu vợ con nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Huỳnh Gia B, sinh ngày 24/02/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa không lý do là vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Th T. Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh Q; về con chung: Giao cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 24/02/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Mai Th T có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Huỳnh L Q; địa chỉ: Thôn Lãnh A, xã Q L, huyện Q S, tỉnh Q N. Nay, chị T khởi kiện xin ly hôn với anh Q và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh

chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường A Kh, quận Th Kh, thành phố Đ N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 19 tháng 4 năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh Q nghiện ma túy, vợ chồng sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau và từ năm 2016, chị T và anh Q không còn chung sống, không quan T đến nhau. Tại phiên tòa anh Q cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ và đề nghị Tòa án giải quyết cho đoàn tụ, nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3]. Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung tên là Huỳnh Gia B, sinh ngày 24/02/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con của mình, trong khi chị T đã cung cấp cho Tòa án *“Bảng xác nhận thu nhập từ tiền lương, tiền công”* của Trường Mầm non Hoa Ban thể hiện mức lương trung bình hàng tháng của chị T là hơn 6.000.000 đồng. Tại biên bản xác minh lập ngày 04/9/2018, đại diện Ủy ban nhân dân xã Quế Long, huyện Quế Sơn cung cấp: *“Anh Q hiện đang làm thợ hồ, nhưng anh Q nghiện ma túy, công việc không ổn định”*. Ngoài ra, tại biên bản xác minh lập ngày 04/9/2018, đại diện Ban Công an xã Quế Long cung cấp: Anh Q *“là đối tượng nghiện ma túy đang được địa phương theo dõi”*. Xét về điều kiện nuôi con của mỗi bên thì thấy: Chị T có việc làm và thu nhập ổn định, đảm B để nuôi con hơn anh Q. Cháu B còn nhỏ hiện đang sống chung với chị T nên tiếp tục giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng sẽ đảm B hơn cho sự phát triển toàn diện của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét; anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Mai Th T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Th T về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Th T và anh Huỳnh L Q.
2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 24/02/2015 cho chị Mai Th T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Huỳnh L Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Mai Th T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006786 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/10/2018).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ